

Bản án số: 160/2023/DS-ST

Ngày: 08/8/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **BÙI VĂN MÀU**

- Thư ký phiên tòa: Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị N**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960 (Có mặt)

Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1952 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 07/7/2023 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

Chị có tham gia các dây hụi do bà T, ông Đ làm đầu thảo, hụi có lãi và hoa hồng cho đầu thảo. Cụ thể:

+ Dây hụi mở ngày 10/01/2020 âm lịch, có 21 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, 03 tháng mở hụi một kỳ, đến ngày 10/4/2022 âm lịch mãn hụi, chị vô 01 phần, góp được 20 kỳ là 40.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 28/4/2020 âm lịch, có 25 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, đến ngày 28/5/2022 âm lịch mãn hụi, chị vô 01 phần góp được 24 kỳ là 24.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 28/5/2020 âm lịch, có 22 phần, mỗi phần 500.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, đến ngày 28/6/2022 âm lịch mãn hụi, chị vô 01 phần góp được 22 kỳ là 11.000.000 đồng.

Tổng cộng ông Đ, bà T còn nợ tiền hụi 03 dây là 75.000.000 đồng. Ông Đ, bà T đã tự ý ngưng không mở hụi và không trả tiền hụi lại cho chị.

Chị yêu cầu ông Đ, bà T phải trả một lần số tiền hui là 75.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực.

Sau đó, chị tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Đ, bà T liên đới trả số tiền hui còn thiếu là 59.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền 16.000.000 đồng.

Theo lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà đồng ý trả cho chị N số tiền hui còn thiếu là 59.000.000 đồng, xin trả dần cụ thể cuối năm 2023 trả 20.000.000 đồng, cuối năm 2024 trả hết số tiền còn lại do hoàn cảnh gặp khó khăn.

Ông Đ không có văn bản ý kiến, nhưng có cung cấp đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị N vẫn yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền hui là 59.000.000 đồng; Bà T vẫn giữ ý kiến như trên; Ông Đ có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu như đã nêu trên tại phần nội dung vụ án này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng, chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện này.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại Tòa, bản thân bà T đã thừa nhận và thống nhất trả số tiền hui còn thiếu cho nguyên đơn số tiền 59.000.000 đồng nhưng xin trả dần đến hết nợ. Việc xin trả dần của bà T là không có cơ sở và không được nguyên đơn đồng ý.

Đồng thời, ông Đ cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho chị N do tại Tòa, bà T khẳng định tiền thu được từ việc làm đầu thảo hui có phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, cũng như bà xác định ông Đ hiện là chồng đang sinh sống chung một nhà và bản thân ông Đ không có văn bản ý kiến phản bác gì trước việc khởi kiện của chị N.

Từ đó, xác định việc bị đơn hiện còn nợ tiền hui nguyên đơn là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N buộc bà T, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền hui còn thiếu là 59.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên căn cứ quy định pháp luật thì bị đơn được miễn án phí phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 357, 468, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ

về họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị N số tiền họ còn thiếu là 59.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T, ông Đ chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu bà T, ông Đ trả số tiền họ 16.000.000 đồng.

Về án phí: Bà T, ông Đ được miễn án phí dân sự phải chịu.

Hoàn lại cho chị N số tiền 1.875.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0012718 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

